

Số: 228 /HD-SXD.

Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2015

HƯỚNG DẪN

Quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Thông tư số 21/2010/TT-BXD ngày 16/11/2010 của Bộ Xây dựng ban hành Hướng dẫn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với đối với sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 21/2011/TT-BKHCN ngày 22/9/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông, mã số QCVN 7:2011/BKHCN;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 13/2013/TT-BKHCN ngày 12/4/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BKHCN;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BXD ngày 15/9/2014 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, mã số QCVN 16:2014/BXD.

Sở Xây dựng Tây Ninh ban hành Hướng dẫn việc chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

A. Quy định chung

I. Đối tượng áp dụng và đối tượng sản phẩm, hàng hóa phải công bố hợp quy

1. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường Việt Nam và sử dụng vào các công trình xây dựng.

- Các tổ chức, cá nhân có đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (phải công bố hợp quy theo quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh phải đăng ký bản công bố hợp quy tại Sở Xây dựng Tây Ninh.

- Các cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có liên quan.

2. Đối tượng sản phẩm, hàng hóa phải công bố hợp quy

- Các loại sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (*nhóm 2*) thuộc danh mục QCVN 16:2014/BXD (*Phụ lục 1*).
- Thép làm cốt bê tông thuộc QCVN 7:2011/BKHCN (*Phụ lục 2*).

II. Giải thích từ ngữ

1. **Chứng nhận hợp quy** là việc xác nhận sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng khi chưa được chuyển thành các quy chuẩn kỹ thuật.

2. **Công bố hợp quy** là hoạt động bắt buộc. Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh phải tự công bố sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng khi chưa được chuyển thành các quy chuẩn kỹ thuật. Khi công bố hợp quy, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh phải đăng ký bản công bố hợp quy tại sở chuyên ngành tương ứng tại địa phương nơi tổ chức, cá nhân đó đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3. **Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng** bao gồm các loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng có khả năng gây mất an toàn (*sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 theo khoản 4 Điều 3 của Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa*) trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, sử dụng trong công trình xây dựng có tiềm ẩn nguy cơ gây hại cho người và công trình xây dựng, cho môi trường xung quanh.

4. **Tổ chức chứng nhận hợp quy** là tổ chức thực hiện việc đánh giá, xác nhận sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng khi chưa được chuyển thành các quy chuẩn kỹ thuật.

III. Chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và đăng ký bản công bố hợp quy

Hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy được thực hiện theo quy định của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và theo Hướng dẫn này.

Hoạt động đăng ký bản công bố hợp quy tại Sở Xây dựng Tây Ninh được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

B. Chứng nhận hợp quy

I. Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận hợp quy

1. Tổ chức chứng nhận hợp quy phải có chứng chỉ (*còn hiệu lực*) về hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001; phải có năng lực hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật.

2. Đối với các tổ chức có phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (*LAS-XD*) được công nhận, năng lực thí nghiệm phù hợp với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng thì được xem như có năng lực hoạt động chứng nhận theo Khoản 1 của Mục này.

3. Tổ chức chứng nhận phải có ít nhất 03 chuyên gia đánh giá thuộc biên chế chính thức (*viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn*) của tổ chức, có trình độ đại học trở lên và chuyên môn phù hợp với hoạt động về chứng nhận sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng tương ứng, có kinh nghiệm công tác thuộc lĩnh vực này từ 03 năm trở lên.

II. Chỉ định và công bố các tổ chức chứng nhận hợp quy

1. Căn cứ sự đáp ứng các yêu cầu hệ thống quản lý và năng lực của các phòng thí nghiệm theo Điều 5 của Thông tư số 21/2010/TT-BXD, Bộ Xây dựng ra quyết định chỉ định các tổ chức chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

2. Danh sách các tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định; danh sách các tổ chức chứng nhận hợp quy đã bị xử lý vi phạm các quy định hiện hành về hoạt động chứng nhận hợp quy: Được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng Tây Ninh (*Phụ lục 3*).

C. Công bố hợp quy

Việc công bố hợp quy được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012, cụ thể như sau:

I. Trình tự công bố hợp quy

1. Bước 1: Đánh giá sự phù hợp đối tượng của công bố hợp quy với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (*sau đây viết tắt là đánh giá hợp quy*)

a) Việc đánh giá hợp quy có thể do tổ chức chứng nhận được chỉ định (*bên thứ ba*) hoặc do tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (*bên thứ nhất*) thực hiện.

- Việc đánh giá hợp quy được thực hiện theo phương thức đánh giá sự phù hợp quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Trường hợp sử dụng kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài thì tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài phải được thừa nhận theo quy định của pháp luật hoặc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ định.

b) Kết quả đánh giá hợp quy là căn cứ để tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

2. Bước 2: Đăng ký bản công bố hợp quy tại Sở Xây dựng Tây Ninh

II. Hồ sơ đăng ký công bố hợp quy

Tổ chức, cá nhân công bố hợp quy lập 02 (*hai*) bộ hồ sơ công bố hợp quy, trong đó: 01 (*một*) bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện tới Sở Xây dựng Tây Ninh và 01 (*một*) bộ hồ sơ lưu giữ tại tổ chức, cá nhân. Thành phần hồ sơ quy định tại Điều 14 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN, cụ thể như sau:

1. Trường hợp 1: Công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định (*bên thứ ba*), hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:

a) Bản công bố hợp quy (*Phụ lục 4*);

b) Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (*giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy đăng ký*

kinh doanh hoặc đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật);

c) Bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp kèm theo mẫu dấu hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân;

(Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có công chứng).

2. Trường hợp 2: Công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (*bên thứ nhất*), hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:

a) Bản công bố hợp quy (*Phụ lục 4*);

b) Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (*giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hộ kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật*);

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy chưa được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (*ISO 9001, ISO 22000, HACCP...*), thì hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải có quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng (*Phụ lục 5*) và kế hoạch giám sát hệ thống quản lý;

d) Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (*ISO 9001, ISO 22000, HACCP...*), thì hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải có bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực;

đ) Bản sao y bản chính phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức thử nghiệm đã đăng ký;

e) Báo cáo đánh giá hợp quy (*Phụ lục 6*) kèm theo mẫu dấu hợp quy và các tài liệu có liên quan.

(Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bổ sung bản sao có công chứng).

III. Quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trả kết quả

1. Nơi nhận hồ sơ và trả kết quả

- Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Sở Xây dựng Tây Ninh.
- Địa chỉ: Số 314, Đường Cách mạng Tháng 8, Phường 3, thành phố Tây Ninh.

2. Thời gian nhận hồ sơ

- Các ngày làm việc trong tuần:
 - + Sáng: Từ 7 giờ đến 11 giờ 30;
 - + Chiều: Từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00.
- Thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ không tiếp nhận hồ sơ.

3. Thời hạn giải quyết hồ sơ

3.1. Đối với hồ sơ công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định tại Mục II Phần C, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp quy, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Sở Xây dựng gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Sở Xây dựng có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.

3.2. Đối với hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ theo quy định tại Mục II Phần C, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp quy, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ công bố hợp quy:

a) Trường hợp hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ và hợp lệ, Sở Xây dựng thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Phụ lục 7).

Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy có giá trị theo giá trị của giấy chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp hoặc có giá trị ba (03) năm kể từ ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận báo cáo đánh giá hợp quy (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân tự đánh giá hợp quy);

b) Trường hợp hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy về lý do không tiếp nhận hồ sơ.

IV. Lệ phí hồ sơ

Mức thu lệ phí: 150.000 đ/01 giấy (Quy định tại Điều 2 Thông tư số 231/2009/TT-BTC ngày 09/12/2009 của Bộ Tài chính về quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng).

V. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy

Theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN, sau khi công bố hợp quy, các tổ chức cá nhân có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

1. Thông báo trên các phương tiện thông tin thích hợp về việc công bố hợp quy của mình đảm bảo người sử dụng sản phẩm, hàng hóa đó dễ dàng tiếp cận.

2. Duy trì liên tục và chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường đã công bố hợp quy; duy trì việc kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ.

3. Sử dụng dấu hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa đã được công bố hợp quy theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Lập sổ theo dõi và định kỳ hàng năm báo cáo việc sử dụng dấu hợp quy cho tổ chức chứng nhận được chỉ định. Cụ thể:

- Dấu hợp quy có hình dạng, kích thước theo quy định (Phụ lục 8).
- Dấu hợp quy được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm, hàng hoá hoặc trên bao bì hoặc trong tài liệu kỹ thuật hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm, hàng hoá ở vị trí dễ thấy dễ đọc.
- Dấu hợp quy phải bảo đảm không dễ tẩy xoá và không thể bóc ra gắn lại.
- Dấu hợp quy có thể được phóng to hoặc thu nhỏ nhưng phải đảm bảo đúng tỷ lệ, kích thước cơ bản của dấu hợp quy (Phụ lục 8) và nhận biết được bằng mắt thường.

- Dấu hợp quy phải được thiết kế và thể hiện cùng một màu, dễ nhận biết.

4. Khi phát hiện sự không phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường đã công bố hợp quy trong quá trình lưu thông hoặc sử dụng, tổ chức, cá nhân phải:

a) Kịp thời thông báo bằng văn bản về sự không phù hợp với Sở Xây dựng;

b) Tạm ngừng việc xuất xưởng và tiến hành thu hồi các sản phẩm, hàng hóa không phù hợp đang lưu thông trên thị trường trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa không phù hợp có rủi ro cao gây mất an toàn cho người sử dụng; ngừng vận hành, khai thác các quá trình, dịch vụ, môi trường liên quan khi cần thiết;

c) Tiến hành các biện pháp khắc phục sự không phù hợp;

d) Thông báo bằng văn bản cho Sở Xây dựng về kết quả khắc phục sự không phù hợp trước khi tiếp tục đưa các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường vào sử dụng, lưu thông, khai thác, kinh doanh.

5. Lập và lưu giữ hồ sơ công bố hợp quy làm cơ sở cho việc kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước như sau:

a) Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định (*bên thứ ba*), lưu giữ hồ sơ công bố hợp quy bao gồm các bản chính, bản sao các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Mục II Phần C và Hồ sơ đánh giá giám sát của tổ chức chứng nhận được chỉ định;

b) Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (*bên thứ nhất*), lưu giữ hồ sơ công bố hợp quy bao gồm các bản chính, bản sao các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Mục II Phần C và Hồ sơ tự đánh giá giám sát của tổ chức, cá nhân theo kế hoạch giám sát.

6. Cung cấp tài liệu chứng minh việc đảm bảo sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Cung cấp bản sao y bản chính giấy chứng nhận hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường.

8. Thực hiện việc công bố lại khi có bất kỳ sự thay đổi nào về nội dung của hồ sơ công bố hợp quy đã đăng ký hoặc có bất kỳ sự thay đổi nào về tính năng, công dụng, đặc điểm của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã công bố hợp quy.

VI. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký và quản lý hồ sơ công bố hợp quy; hủy bỏ, đình chỉ kết quả tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành và các quy chuẩn kỹ thuật địa phương liên quan đến các lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng về tình hình công bố hợp quy với các nội dung sau:

- Tên tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.
- Sản phẩm, hàng hóa công bố hợp quy.

- Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật.

- Loại hình đánh giá: Bên thứ nhất (tên tổ chức, cá nhân) hay bên thứ ba (tên tổ chức chứng nhận được chỉ định).

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, đề nghị tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản cho Sở Xây dựng để nghiên cứu, điều chỉnh hoặc bổ sung kịp thời. / *W*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND các huyện, thành phố;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, KTVLXD.

W
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh

Phụ lục 1

Các loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng
có khả năng gây mất an toàn (nhóm 2) thuộc danh mục QCVN 16:2014/BXD

1.1. Nhóm sản phẩm clanhke xi măng và xi măng

- Clanhke xi măng poóc lăng;
- Xi măng poóc lăng;
- Xi măng poóc lăng hỗn hợp;
- Xi măng poóc lăng trắng;
- Xi măng Alumin;
- Xi măng giềng khoan chủng loại G;
- Xi măng poóc lăng ít tỏa nhiệt;
- Xi măng poóc lăng hỗn hợp ít tỏa nhiệt;
- Xi măng poóc lăng bền sun phát;
- Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát;
- Xi măng poóc lăng xỉ lò cao;
- Xi măng xây trát.

1.2. Nhóm sản phẩm kính xây dựng

- Kính tấm xây dựng – Kính kéo;
- Kính tấm xây dựng – Kính nổi;
- Kính tấm xây dựng – Kính cán vân hoa;
- Kính tấm xây dựng – Kính màu hấp thụ nhiệt;
- Kính tấm xây dựng – Kính phủ phản quang;
- Kính tấm xây dựng – Kính phẳng tôi nhiệt;
- Kính tấm xây dựng – Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp;
- Kính tấm xây dựng – Kính cốt lưới thép;
- Kính tấm xây dựng – Kính phủ bức xạ thấp.

1.3. Nhóm sản phẩm phụ gia cho xi măng, bê tông và vữa

- Phụ gia khoáng cho xi măng;
- Xi hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng;
- Phụ gia công nghệ cho xi măng;
- Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa;
- Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn;
- Phụ gia hóa học cho bê tông;
- Phụ gia tro bay hoạt tính dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng.

1.4. Nhóm sản phẩm vật liệu xây dựng chứa sợi vô cơ, sợi hữu cơ tổng hợp, sản phẩm hợp kim nhôm, ống nhựa U-PVC và sản phẩm gỗ

- Tấm sóng amiăng xi măng;
- Tấm thạch cao;
- Tấm xi măng sợi;
- Nhôm và hợp kim nhôm định hình;
- Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước, thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất – Polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U);

- Ván MDF;
- Ván dăm;
- Ván sàn gỗ nhân tạo;

1.5. Nhóm sản phẩm sơn, vật liệu chống thấm và vật liệu xử lý khe

- Sơn tường dạng nhũ tương;
- Bột bả tường gốc xi măng poóc lăng;
- Sơn epoxy;
- Sơn alkyd;
- Tấm trải chống thấm trên cơ sở bitum biến tính;
- Băng chặn nước PVC;
- Vật liệu chống thấm gốc xi măng – polyme;
- Silicon xử lý khe cho kết cấu xây dựng.

1.6. Nhóm sản phẩm gạch, đá ốp lát

- Gạch gốm ốp lát ép bán khô;
- Gạch gốm ốp lát đùn dẻo;
- Gạch gốm ốp lát – Gạch ngoại thất Mosaic;
- Gạch terrazzo;
- Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ;
- Đá ốp lát tự nhiên.

1.7. Nhóm sản phẩm sứ vệ sinh

- Xí bệt, tiểu nữ;
- Chậu rửa;
- Xí xô.

1.8. Nhóm sản phẩm cốt liệu cho bê tông và vữa

- Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa;
- Cốt liệu lớn (đá dăm, sỏi, sỏi dăm) cho bê tông;

- Cát nghiền cho bê tông và vữa.

1.9. Nhóm sản phẩm cửa sổ, cửa đi

- Cửa sổ, cửa đi bằng khung nhựa cứng U-PVC;
- Cửa đi, cửa sổ – Cửa gỗ
- Cửa đi, cửa sổ – Cửa kim loại.

1.10. Nhóm sản phẩm vật liệu xây

- Gạch đặc đất sét nung;
- Gạch rỗng đất sét nung;
- Gạch bê tông;
- Bê tông nhẹ – Gạch bê tông khí chưng áp (AAC);
- Bê tông nhẹ – Bê tông bọt, khí không chưng áp.

Phụ lục 2

Các loại sản phẩm, hàng hóa thuộc danh mục QCVN 7:2011/BKHCN

Thép làm cốt bê tông sản xuất trong nước

- Thép cốt bê tông;
- Thép cốt bê tông dự ứng lực;
- Thép cốt bê tông phủ epoxy.

Phụ lục 3

**DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP
ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH THỰC HIỆN VIỆC THỬ NGHIỆM/CHỨNG NHẬN
CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHÙ HỢP VỚI
QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
QCVN 16:2014/BXD
(Cập nhật đến 11/12/2014)**

TT	Tên và địa chỉ Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
1	Viện Vật liệu xây dựng (VIBM) Địa chỉ: số 235 đường Nguyễn Trãi – Q. Thanh Xuân – TP. Hà Nội và Lô I-3b-5 đường N6 – Khu công nghệ cao - P. Tân Phú – Quận 9 – TP. Hồ Chí Minh	<u>Số 1306/QĐ-BXD,</u> <u>ngày 31/10/2014</u>
2	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (Quatest 3) Địa chỉ: số 49 đường Pasteur – P. Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh,	<u>Số 1307/QĐ-BXD,</u> <u>ngày 31/10/2014</u>
3	Công ty Cổ phần Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO Địa chỉ: số 4 đường Tôn Thất Tùng – P. Trung Tự – Q. Đống Đa – TP. Hà Nội	<u>Số 1308/QĐ-BXD,</u> <u>ngày 31/10/2014</u>
4	Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng công trình hàng không ACC - Xí nghiệp Tư vấn và kiểm định chất lượng ACC Địa chỉ: số 178 đường Trường Chinh – P. Khương Thượng - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội và số 3 phố Thượng Thụy – P. Phú Thượng – Q. Tây Hồ - TP. Hà Nội	<u>Số 1309/QĐ-BXD,</u> <u>ngày 31/10/2014</u>
5	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2 (Quatest 2) Địa chỉ: số 97 đường Lý Thái Tổ - Q. Thanh Khê – TP. Đà Nẵng	- <u>Số 1310/QĐ-BXD,</u> <u>ngày 31/10/2014;</u> - <u>Số 1442/QĐ-BXD,</u> <u>ngày 08/12/2014</u>
6	Trung tâm Chứng nhận phù hợp (Quacert) Địa chỉ: số 8 Hoàng Quốc Việt – Q. Cầu Giấy – TP. Hà Nội	<u>Số 1311/QĐ-BXD,</u> <u>ngày 31/10/2014</u>
7	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng (IBST)	<u>Số 1355/QĐ-BXD,</u>

	<u>Địa chỉ:</u> số 81 Trần Cung – P. Nghĩa Tân – Q. Cầu Giấy - TP. Hà Nội	<u>ngày 12/11/2014</u>
8	Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol <u>Địa chỉ:</u> số 54 Trần Nhân Tông - TP. Hà Nội <u>Địa chỉ Chi nhánh:</u> số 115 Trần Quốc Thảo – Phường 7 – Quận 3 – TP. Hồ Chí Minh	<u>Số 1356/QĐ-BXD,</u> <u>ngày 12/11/2014</u>
9	Trung tâm Tư vấn và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Lai Châu <u>Địa chỉ:</u> Phường Tân Phong – TP. Lai Châu – Tỉnh Lai Châu	<u>Số 1470/QĐ-BXD,</u> <u>ngày 11/12/2014</u>
10	Trung tâm Kiểm định xây dựng tỉnh Lào Cai <u>Địa chỉ:</u> Km3, Đại lộ Trần Hưng Đạo – Phường Nam Cường – TP. Lào Cai – Tỉnh Lào Cai	<u>Số 1471/QĐ-BXD,</u> <u>ngày 11/12/2014</u>
<p><u>Lưu ý:</u> - <i>Danh sách này sẽ được cập nhật khi có thay đổi;</i></p> <p>- <i>Phạm vi chỉ định thực hiện thử nghiệm/chứng nhận đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo các Quyết định chỉ định.</i></p>		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...*)

.....

.....

Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

.....

.....

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):

.....

.....

.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân) cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của
(sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường)..... do mình sản xuất, kinh
doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 5

Mẫu 1. KHKSCCL
28/2012/TT-BKHCN

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm/hàng hóa/dịch vụ/quá trình/môi trường:

Các quá trình sản xuất cụ thể (1)	Kế hoạch kiểm soát chất lượng					Biểu ghi chép (7)	Ghi chú (8)
	Các chỉ tiêu giám sát/kiểm soát (2)	Tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (3)	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu (4)	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra (5)	Phương pháp thử/kiểm tra (6)		

....., ngày tháng năm
Đại diện tổ chức
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 6

Mẫu 5. BCDG
28/2012/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ HỢP QUY

1. Ngày đánh giá:

2. Địa điểm đánh giá:

3. Tên sản phẩm:

4. Số hiệu tiêu chuẩn / quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm:

6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn / quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:

.....
.....
.....
.....
.....

7. Các nội dung khác (nếu có):

8. Kết luận:

Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

Sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

Người đánh giá
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của lãnh đạo tổ chức, cá nhân
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)

Phụ lục 7

Mẫu 3. TBTNHS
28/2012/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN TIẾP NHẬN
CÔNG BỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

Tây Ninh, ngày ... tháng năm

THÔNG BÁO
TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY

..... (*Tên cơ quan tiếp nhận công bố*) xác nhận đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn/hợp quy số ngày tháng năm của:..... (*tên tổ chức, cá nhân*)

địa chỉ tổ chức, cá nhân:

cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật...*):

phù hợp tiêu chuẩn (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi tiêu chuẩn*)/quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi quy chuẩn kỹ thuật*) và có giá trị đến ngày tháng năm (hoặc ghi: có giá trị 3 năm kể từ ngày tháng năm).

Thông báo này ghi nhận sự cam kết của tổ chức, cá nhân. Thông báo này không có giá trị chứng nhận cho sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

(*Tên tổ chức, cá nhân*) phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Cơ quan chủ quản (để báo cáo);
- Lưu: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Đại diện có thẩm quyền của
Cơ quan tiếp nhận công bố
(*ký tên, chức vụ, đóng dấu*)

Phụ lục 8

HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC CỦA DẤU HỢP QUY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN
ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

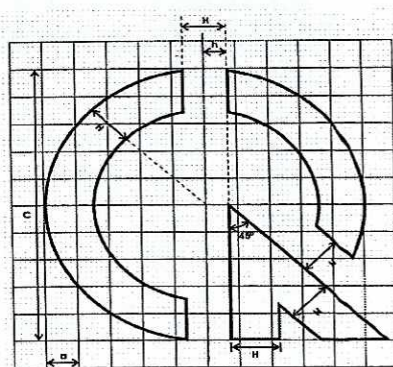
HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC CỦA DẤU HỢP QUY

1. Dấu hợp quy có hình dạng được mô tả tại Hình 1.



Hình 1. Hình dạng của dấu hợp quy

2. Kích thước cơ bản để thiết kế dấu hợp quy quy định tại Hình 2.



Hình 2. Kích thước cơ bản của dấu hợp quy

Chú thích: $H = 1,5 a$

$h = 0,5 H$

$C = 7,5 H$

Phụ lục 9

BIÊN NHẬN HỒ SƠ

Mẫu 6.BNHS

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BN-SXD

Tây Ninh, ngày..... tháng... năm 20...

BIÊN NHẬN HỒ SƠ

Công bố sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật

Cá nhân/ Tổ chức:	
Địa chỉ:	
Điện thoại:	

A. Trường hợp 1: Công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy (bên thứ 3)

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	Ghi chú
1	Bản công bố hợp quy (Phụ lục 4).			
2	Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy: - Giấy đăng ký doanh nghiệp. - Hoặc giấy đăng ký kinh doanh. - Hoặc đăng ký hộ kinh doanh. - Hoặc giấy chứng nhận đầu tư. - Hoặc quyết định thành lập. - Hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.			
3	- Bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp quy			

<p>chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu dấu hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân. 			
---	--	--	--

B. Trường hợp 2: Công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (bên thứ 1)

STT	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	Ghi chú
1	Bản công bố hợp quy (Phụ lục 4).			
2	<p>Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký doanh nghiệp. - Hoặc giấy đăng ký kinh doanh. - Hoặc đăng ký hộ kinh doanh. - Hoặc giấy chứng nhận đầu tư. - Hoặc quyết định thành lập. - Hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật. 			
3	<p>Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy chưa được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình sản xuất. - Kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng (Phụ lục 5 đính kèm Hướng dẫn này). - Kế hoạch giám sát hệ thống quản lý. 			
	<p>Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, HACCP...), thì hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân phải có:</p> <p>Bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực.</p>			
4	Bản sao y bản chính phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ công			

	bổ hợp quy của tổ chức thử nghiệm đã đăng ký.			
5	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá hợp quy (Phụ lục 6 đính kèm Hướng dẫn này). - Mẫu dấu hợp quy. - Các tài liệu có liên quan. 			

C. TỔNG KẾT:

- Tổng cộng: loại văn bản.
- Trong quá trình tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ công bố hợp quy, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc hoặc yêu cầu bản sao có công chứng.
- Thời hạn giải quyết hồ sơ là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ nêu trên.
- Ngày trả kết quả:

Người nộp
(Ký tên và ghi họ tên)

Người nhận
(Ký tên và ghi họ tên)